**CƠ CHẾ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC TRONG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN- MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN (P3)**

**Trần Võ Như Ý**

**Phan Ngọc Hà**

# **CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CƠ CHẾ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC TRONG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN**

## **1.3 Đặc điểm của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn hiện nay**

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngoài việc bảo đảm các tiêu chí của nhà nước pháp quyền nói chung, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nói riêng, còn có một số đặc điểm sau:

Thứ nhất, về quá trình hình thành và phát triển, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được hình thành và phát triển trên cơ sở đánh đổ chế độ phong kiến, thực dân, không kinh qua giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản. Đây là đặc điểm lịch sử rất quan trọng cho chúng ta thấy rõ điểm xuất phát của quá trình xây dựng nhà nước cùng với những khó khăn, yếu kém của hạ tầng cơ sở và thượng tầng kiến trúc xã hội. Qua mấy chục năm phấn đấu, xây dựng và đổi mới phương thức tổ chức và hoạt động, đến Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (1994), lần đầu tiên trong văn bản chính thức của Đảng, chúng ta mới xác định việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Thứ hai, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Đây là đặc điểm rất quan trọng mà nhà nước pháp quyền tư sản không thể có được. Thực chất đặc điểm này của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhằm bảo đảm tính giai cấp, tính nhân dân của Nhà nước ta. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân và do nhân dân định đoạt, nhân dân quyết định phương thức tổ chức, xây dựng và vận hành của bộ máy quyền lực nhà nước nhằm đáp ứng ngày càng cao lợi ích của nhân dân và của toàn bộ dân tộc. Đây còn là sự thể hiện về tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa so với các chế độ khác.

Thứ ba, trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan chức năng của nhà nước để thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Đây là phương thức tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước rất mới mẻ, chúng ta phải lấy hiệu quả thực tiễn để kiểm nghiệm. Về nguyên tắc, chúng ta không thừa nhận học thuyết "tam quyền phân lập" vì nó máy móc, khô cứng theo kiểu các quyền hoàn toàn độc lập, không có sự phối hợp, thậm chí đi đến đối lập, hạn chế sức mạnh của cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. Tuy nhiên, chúng ta cũng không thể trở lại với nguyên tắc tập quyền, tức là tập trung toàn bộ quyền lực cao nhất của nhà nước lập pháp, hành pháp và tư pháp cho một cá nhân, hoặc một cơ quan tổ chức nhà nước. Bởi vì, làm như vậy là đi ngược lại lịch sử tiến bộ của nhân loại.

Vấn đề đặt ra yêu cầu chúng ta phải nghiên cứu giải quyết đó là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải có sự phân công, phân định thẩm quyền cho rõ ràng, minh bạch để thực hiện có hiệu quả với chất lượng cao ba quyền, tránh tình trạng chồng chéo, tùy tiện, lạm quyền...

Thứ tư, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Một trong số những nội dung cơ bản nhất của nguyên tắc tập trung dân chủ là thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên. Tập trung dân chủ được thể hiện trong quá trình tổ chức và xây dựng bộ máy quyền lực nhà nước. Tuy nhiên, khi áp dụng nguyên tắc này cần cân nhắc, xem xét các điều kiện cần và đủ để phát huy tác dụng, hiệu quả tích cực của nguyên tắc này; đặc biệt phải lưu ý đến quyền hạn và trách nhiệm cá nhân trong việc thực hiện công vụ của bộ máy công quyền hiện nay.

Thứ năm, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam có trách nhiệm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, công dân phải làm tròn nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước và xã hội. Mối quan hệ qua lại giữa Nhà nước với công dân, giữa dân chủ với kỷ cương trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải do pháp luật quy định và điều chỉnh. Đây là một đặc điểm quan trọng, xuyên suốt trong toàn bộ quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền hiện nay và phải được thực hiện trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Thứ sáu, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam quản lý xã hội chủ yếu bằng pháp luật, không ngừng tăng cường và đổi mới công tác lập pháp, hành pháp và tư pháp; đồng thời, thường xuyên quan tâm đến việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật cho nhân dân.

Thứ bảy, Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đây là đặc điểm nổi bật của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Hiến pháp ghi nhận và nhân dân Việt Nam đồng tình ủng hộ. Đảng lãnh đạo Nhà nước thông qua cương lĩnh, đường lối, chính sách được thể chế bằng pháp luật. Đảng không làm thay Nhà nước và phải hoạt động trong khuôn khổ của Hiến pháp và pháp luật. Đảng không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo của mình nhằm tạo điều kiện cho bộ máy nhà nước hoạt động có hiệu quả, đặc biệt trong điều kiện xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, Đảng không ngừng đổi mới công tác tổ chức và xây dựng bộ máy để bảo đảm Đảng vẫn giữ được vai trò lãnh đạo Nhà nước, nhưng không chồng chéo với các cơ quan chức năng tương ứng trong bộ máy của Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan tư pháp *[10].*

# **CHƯƠNG 2: CƠ CHẾ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC TRONG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN**

## **2.1 Kiểm soát và cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước trong nhà nước pháp quyền**

### **2.1.1 Kiểm soát quyền lực nhà nước**

Quyền lực nhà nước là vấn đề vô cùng quan trọng, nhưng cũng rất phức tạp. Việc nắm giữ, tổ chức và sử dụng quyền lực nhà nước có hiệu quả sẽ là điều kiện để thực hiện được những mục đích đã đề ra, mang lại hạnh phúc và nhiều lợi ích nhất cho nhân dân, đất nước. Tuy nhiên, trong quá trình nắm giữ, tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước thường tiềm ẩn rất nhiều những nguy cơ khác nhau như tham nhũng, lãng phí, lạm quyền…có thể dẫn tới tác động tiêu cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Và không chỉ dừng lại ở nguy cơ tiềm ẩn mà nhiều nguy cơ trong quá trình cầm quyền đã phát sinh thành những tai họa, tệ nạn tiêu cực trên thực tế làm ảnh hưởng rất lớn tới uy tín, danh dự của cán bộ, công chức, các cơ quan nhà nước, làm giảm hiệu quả của bộ máy nhà nước, gây hậu quả xấu đến công cuộc quản lý và xây dựng đất nước, lợi ích và đời sống nhân dân…Vì vậy, vấn đề kiểm soát và cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước là một nhiệm vụ cấp bách trong quản lý nhà nước ở nước ta hiện nay.

Chúng ta đều biết, trong quá trình thực hiện quyền lực nhà nước luôn phải tiến hành các hoạt động “giám sát”. Thông thường, giám sát là hoạt động theo dõi, xem xét, đánh giá có tính bao quát của chủ thể bên ngoài hệ thống đối với khách thể thuộc hệ thống. Trong bộ máy nhà nước, giám sát thường thể hiện chức năng của các cơ quan quyền lực nhà nước đối với hoạt động của bộ máy nhà nước hoặc của Tòa án nhân dân; các tổ chức xã hội và công dân đối với hoạt động quản lý nhằm bảo đảm sự tuân thủ pháp luật, kỷ luật trong quản lý nhà nước.

Ở Việt Nam, “kiểm sát” là hoạt động xem xét, đánh giá của Việm kiểm sát nhằm đảm bảo pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất. Chẳng hạn, Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát hoạt động tư pháp. Còn “kiểm soát” được cho là xem xét. Đánh giá, theo dõi nhằm ngăn chặn những điều trái với quy định. Như vậy, về cơ bản, thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm soát có nghĩa như nhau, đó là xem xét, đánh giá hoạt động của các chủ thể thực hiện quyền lực nhà nước để Hiến pháp, pháp luật được thực hiện nghiêm chỉnh, chính xác, đầy đủ, nhưng chúng khác nhau về chủ thể thực hiện, về nội dung, hình thức, phạm và đối tượng chịu sự xem xét, đánh giá. So với thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm sát thì kiểm soát có phạm vi xem xét, đánh giá rộng hơn, hình thức phong phú hơn, nó bao hàm cả việc giám sát, thanh tra, kiểm tra, theo dõi…Đối tượng chịu sự xem xét, đánh giá của kiểm soát là tất cả các chủ thể thực hiện quyền lực nhà nước. Nội dung kiểm soát bao gồm việc tổ chức và việc thực hiện đối với cả quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Chủ thể thực hiện kiểm soát quyền lực nhà nước khá đa dạng, đó có thể là nhân dân, các đảng phái, của các tổ chức chính trị - xã hội, cũng có thể do chính nhà nước (các cơ quan nhà nước), thậm chí là các tổ chức quốc tế…Từ những phân tích trên cho thấy: Kiểm soát quyền lực nhà nước là toàn bộ những hoạt động xem xét, theo dõi, đánh giá, những biện pháp mà thông qua đó có thể ngăn ngừa, loại bỏ những nguy cơ, những việc làm sai trái của cơ quan, nhân viên nhà nước trong việc tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước, bảo đảm cho quyền lực nhà nước được tổ chức và thực hiện đúng mục đích mong muốn và đạt được hiệu quả cao.

Kiểm soát quyền lực nhà nước là rất quan trọng và cần thiết. Không quốc gia nào có thể phát triển nhanh, ổn định và bền vững nếu như quyền lực nhà nước không được kiểm soát và thực hiện đúng đắn. Tuy nhiên, trên thực tế tình trạng lạm quyền, tha hóa quyền lực vẫn luôn tiềm ẩn và thường xuyên xảy ra. Một số nhân viên nhà nước, thậm chí cả các cơ quan nhà nước thay mặt nhân dân nắm giữ và thực hiện quyền lực nhà nước nhưng lại lợi dụng quyền lực được giao vào mục đích vụ lợi hoặc vì mục đích cục bộ; một số nhân viên nhà nước do năng lực, trình độ hạn chế nên đã mắc sai lầm trong việc đưa ra những quyết định làm ảnh hưởng tới lợi ích của các tổ chức, cá nhân.

Việc kiểm soát quyền lực nhà nước được thực hiện bởi nhiều chủ thể, thông qua hình thức, phương tiện với những nội dung và quy trình kiểm soát khác nhau ở các thời điểm khác nhau. Việc kiểm soát quyền lực nhà nước có thể được tiến hành từ bên ngoài, cũng có thể từ bên trong; có thể kiểm soát công khai, kiểm soát ngầm; kiểm soát giai đoạn, kiểm soát liên tục; có thể giản đơn, có thể phức tạp thông qua cơ chế kiểm soát. Với mỗi quốc gia, việc kiểm soát và tổ chức thực hiện việc kiểm soát quyền lực nhà nước với cơ chế khác nhau. Vậy, quan niệm thế nào là cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước, trong cơ chế đó bao gồm những yếu tố nào, được vận hành ra sao hiện nay cũng còn khá nhiều ý kiến cần phải được nghiên cứu làm rõ.

### **2.1.2 Cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước trong nhà nước pháp quyền**

Cơ chế là một thuật ngữ có thể hiểu theo nhiều nghĩa, tùy vào hoàn cảnh và lĩnh vực. Cơ chế có thể hiểu là “máy móc, bộ máy, cơ cấu”. Chẳng hạn, cơ chế nhà nước (bộ máy nhà nước). Theo từ điển tiếng Việt: *“Cơ chế là cách thức, sắp xếp tổ chức để làm đường hướng, cơ sở theo đó mà thực hiện”.* Theo quan điểm của GS.TS triết học Phạm Ngọc Quang: *“Cơ chế là khái niệm dùng để chỉ một chuỗi những khâu liên kết với nhau theo một logic nhất định, nhờ vậy mục tiêu được thực hiện”.* Vì vậy, tác giả cho rằng, theo nghĩa chung nhất thì cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước được hiểu là phương thức, quy trình, quy định và các thiết chế có liên quan đến việc kiểm soát quyền lực nhà nước, gắn kết chặt chẽ với nhau hợp thành một chỉnh thể, thông qua đó việc kiểm soát quyền lực nhà nước được thực hiện, nhằm ngăn ngừa, loại bỏ những nguy cơ, những việc làm sai trái của nhà nước, cơ quan, nhân viên nhà nước trong việc tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước, bảo đảm cho quyền lực nhà nước được tổ chức và thực hiện theo đúng các quy định của Hiến pháp, pháp luật, đúng mục đích mong muốn và có hiệu quả.

Từ những quan niệm về cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước như trên cho thấy, cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước được hình thành từ các thể chế, các thiết chế liên quan đến việc kiểm soát quyền lực nhà nước, sự tương tác giữa các yếu tố của cơ chế nhằm đạt được những mục đích của việc kiểm soát.

Có nhiều cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước như: cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước của nhà nước (các cơ quan nhà nước); cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước của nhân dân (các tổ chức nhà nước và cá nhân không phải nhà nước)…Trong các cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước thì cơ chế kiểm soát của nhà nước được xem là hiệu quả hơn cả trong giai đoạn hiện nay. Nếu các cơ chế kiểm soát khác là phương thức kiểm soát quyền lực nhà nước của các chủ thể không phải nhà nước thường được gọi là cơ chế kiểm soát ngoài, thì cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước của nhà nước là phương thức kiểm soát trong. Pháp luật là yếu tố không thể thiếu trong cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước, trong đó quy định rất chặt chẽ, chính xác các chủ thể có thẩm quyền kiểm soát quyền lực nhà nước, đối tượng, nội dung, hình thức, quy trình, hậu quả pháp lý …của việc kiểm soát. Trong cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước của nhà nước, nguyên tắc pháp chế luôn được đề cao, nó đòi hỏi tất cả các cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện quyền lực nhà nước phải nghiêm chỉnh thực hiện các quy định pháp luật về kiểm soát quyền lực nhà nước trong tổ chức cũng như trong hoạt động. Việc các cơ quan nhà nước tự kiểm soát mình và kiểm soát lẫn nhau trong việc thực hiện quyền lực nhà nước có tác dụng:

- Một là để giữ các cơ quan nhà nước luôn duy trì được mối quan hệ nội tại với nhau với tư cách là bộ phận của một bộ máy, đảm bảo sự thống nhất về cơ cấu tổ chức, về mục tiêu hoạt động của cả bộ máy nhà nước, giúp cho bộ máy nhà nước tránh được những nguy cơ đe dọa phá vỡ tính thống nhất và sự vận hành có hiệu quả cao của cả bộ máy nhà nước từ những sai lệch có thể xảy ra của mỗi cơ quan, mỗi bộ phận của bộ máy nhà nước.

- Hai là để bảo đảm sự hợp lý trong việc phân công về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước sao cho phù hợp với những yêu cầu của quá trình thực hiện quyền lực nhà nước trong bộ máy nhà nước thống nhất.

- Ba là để thực hiện phối hợp về chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan nhà nước trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, mục tiêu chung của cả bộ máy nhà nước nhằm duy trì sự kiểm soát, chế ước, phát hiện và xử lý kịp thời những biểu hiện không đúng, không hiệu quả trong việc thực hiện quyền lực nhà nước của mỗi cơ quan, nhân viên nhà nước hoặc của các thiết chế khác khi tham gia thực hiện quyền lực nhà nước. Từ kết quả kiểm soát quyền lực nhà nước, các cơ quan nhà nước có thể đưa ra và lựa chọn những phương án tối ưu trong tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước nhằm đạt được một kết quả tốt nhất trong hoạt động.

Quyền lực nhà nước được thực hiện chủ yếu và thường xuyên thông qua bộ máy nhà nước. Bộ máy nhà nước gồm rất nhiều các cơ quan có vị trí tính chất, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được tổ chức và hoạt động theo nhiều cách thức khác nhau, nên cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước rất phức tạp. Bởi mỗi loại cơ quan, thậm chí mỗi cơ quan nhà nước cần phải thết lập những cơ chế kiểm soát khác nhau phù hợp với vị trí, tính chất, chức năng của chúng trong quá trình thực hiện quyền lực nhà nước thì việc kiểm soát mới có hiệu quả. Thông thường, quyền lực nhà nước được phân định thành quyền lập pháp, quyền hành pháp, quyền tư pháp và giao cho các cơ quan khác nhau của nhà nước thực hiện. Vì vậy, đối với mỗi quyền lực nhà nước cần phải thiết lập một cơ chế kiểm soát có tính chất bộ phận phù hợp để kiểm soát.

Với mỗi cơ chế kiểm soát có sự khác nhau về chủ thể tham gia kiểm soát, nội dung, hình thức, quy trình…kiểm soát như vậy mới bảo đảm tính hiệu quả trong kiểm soát quyền lực nhà nước nói chung. Quan niệm về cơ chế kiểm soát việc thực hiện quyền lập pháp, quyền hành pháp, quyền tư pháp và các yếu tố cấu thành của mỗi cơ chế ở các quốc gia khác nhau. Chẳng hạn, ở Việt Nam hiện nay, cơ chế kiểm soát quyền lập pháp được quan niệm là những cơ sở pháp lý để cơ quan chuyên trách của nhánh quyền tư pháp được phân công kiểm tra quyền lập pháp dựa vào đó triển khai hoạt động giám sát tính hơp hiến – hợp pháp của các văn bản nhất định do Quốc hội và lãnh đạo cấp cao thuộc nhánh quyền lập pháp ban hành, tiến hành thủ tục tố tụng đối với các vụ việc có liên quan đến quyền lập pháp theo các quy định của Hiến pháp và các đạo luật khác góp phần làm cho quá trình tổ chức, thực hiện quyền lập pháp được tuân thủ theo đúng các quy định và trong giới hạn của Hiến pháp và pháp luật,…vì lợi ích chung của nhân dân và xã hội dân sự, cũng như bảo vệ một cách hữu hiệu tính pháp chế cao nhất của Hiến pháp, những cơ sở của chế độ hiến định, các quyền và tự do của con người và của công dân với tư cách là cá giá trị xã hội cao quý nhất được thừa nhận chung của nền văn minh nhân loại.

Cơ chế kiểm soát quyền hành pháp được cho là hệ thống các phương thức, khả năng và quy tắc được ghi nhận để thông qua đó biết được quyền lực hành pháp đang làm gì, làm như thế nào và khống chế, điều chỉnh được nó. Và không chỉ xem xét việc thực hiện quyền lực hành pháp có phù hợp luật pháp hay không mà còn là xem hiệu quả của việc thực hiện luật đến mức độ nào.

Cơ chế kiểm soát quyền tư pháp được xác định là hệ thống các phương thức, khả năng và quy tắc được ghi nhận trong Hiến pháp và các đạo luật khác với tư cách là những căn cứ pháp lý để: Quyền lập pháp thông qua cơ quan lập pháp cao nhất là Quốc hội được phân công giám sát hoạt động của quyền tư pháp, dựa vào đó triển khai công tác nhân sự cấp trung ương trong các cơ quan tư pháp cao nhất của đất nước (Tòa án) hình thành cơ cấu tổ chức – hoạt động và nghe các báo cáo của cơ quan tư pháp cao nhất; cũng như quyền tư pháp thông qua Tòa án hiến pháp, dựa vào đó triển khai hoạt động tính hợp hiến, hợp pháp của các văn bản pháp luật nhất định do cơ quan tư pháp thẩm quyền chung cao nhất và một số quan chức lãnh đạo cấp cao thuộc nhánh quyền tư pháp ban hành, tiến hành thủ tục tố tụng về hiến pháp đối với các vụ việc có liên quan đến quyền tư pháp theo các quy định của Hiến pháp và các đạo luật khác nhằm góp phần làm cho quá trình tổ chức, thực hiện quyền tư pháp được tuân thủ theo đúng các quy định và trong giới hạn của Hiến pháp và pháp luật.

Với cách tiếp cận trên cho thấy, cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước là tổng hợp của nhiều “cơ chế kiểm soát có tính chất bộ phận” nhằm đạt được mục đích chung là tất cả các nhánh quyền lực nhà nước (quyền lập pháp, quyền hành pháp, quyền tư pháp) ở các phạm vi khác nhau đều được kiểm soát. Vì thế, hiệu quả của cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước nói chung phụ thuộc vào tính đồng bộ, hiệu quả của mỗi cơ chế kiểm soát có tính chất bộ phận.

Cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước không chỉ phức tạp mà còn rất đa dạng. Ở mỗi quốc gia có sự thiết lập khác nhau về cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước và ở mỗi giai đoạn phát triển khác nhau cơ chế này cũng có thể có những thay đổi nhất định. Thông thường, mỗi quốc gia đều có những quy định khá chặt chẽ và đầy đủ về cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước, song không phải khi nào những quy định đó cũng có thể trở thành hiện thực. Lý do có thể là các thể chế quy định chưa thật đầy đủ về vấn đề này; không tồn tại các điều kiện bảo đảm cho các quy định về kiểm soát quyền lực nhà nước được thực hiện trong thực tế (nhiều chủ thể không có điều kiện thực hiện hoặc không quan tâm đến việc kiểm soát quyền lực nhà nước); các chủ thể bị kiểm soát không muốn bị kiểm soát, tìm cách trốn tránh việc kiểm soát…

Như vậy, chủ thể, nội dung, hình thức, quy trình…kiểm soát quyền lực nhà nước trong cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước nói chung, đối với mỗi loại quyền lực nhà nước nói riêng được các chủ thể quy định rất chặt chẽ. Các chủ thể của cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước là những tổ chức và cá nhân có thẩm quyền, nghĩa là theo quy định của pháp luật họ có quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm kiểm soát quyền lực nhà nước. Nội dung kiểm soát quyền lực nhà nước đối với mỗi loại quyền lực (lập pháp, hành pháp, tư pháp) được pháp luật quy định khác nhau và chủ thể kiểm soát chỉ có thể kiểm soát đối với những nội dung đó và trong những phạm vi nhất định mà pháp luật quy định. Khi tiến hành kiểm soát trên thực tế, chủ thể có thẩm quyền kiểm soát quyền lực nhà nước phải tuân theo đầy đủ và chính xác các hình thức, quy trình đã quy định. Đối tượng bị kiểm soát là các tổ chức và cá nhân nắm giữ và thực hiện quyền lực nhà nước, về nguyên tắc đều phải bị kiểm soát *[2].*